



**BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG**  
**TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT**  
**CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG – TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**  
**NĂM 2024**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2024*

## MỤC LỤC

NỘI DUNG		Trang
	<b>CÁC TỪ VIẾT TẮT</b>	
<b>PHẦN I.</b>	<b>GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>	
<b>1.</b>	<b>Thông tin khái quát về trường</b>	
1.1	Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	
1.2	Cơ cấu tổ chức và nhân sự	
1.3	Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo	
1.4	Cơ sở vật chất, tài chính	
<b>2.</b>	<b>Thông tin khái quát về Khoa xây dựng</b>	
2.1	Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	
2.2	Cơ cấu tổ chức và nhân sự	
2.3	Các nghề đào tạo	
<b>3.</b>	<b>Thông tin về chương trình đào tạo</b>	
3.1	Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	
3.2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	
3.3	Phương thức tổ chức đào tạo	
3.4	Tóm tắt nội dung chương trình dạy nghề	
3.5	Địa điểm đào tạo, quy mô đào tạo được cấp phép, kế hoạch tuyển sinh, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp	
3.6	Đội ngũ giáo viên	
3.7	Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo	
<b>PHẦN III.</b>	<b>KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>	
<b>1</b>	<b>Tổng quan chung</b>	
1.1	Căn cứ tự đánh giá	
1.2	Mục đích tự đánh giá	
1.3	Yêu cầu tự đánh giá	
1.4	Phương pháp tự đánh giá	
1.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	
<b>2.</b>	<b>Tự đánh giá</b>	
<b>2.1</b>	<b>Tổng hợp kết quả tự đánh giá</b>	
<b>2.2</b>	<b>Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	
2.2.1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	
2.2.2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	
2.2.3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	
2.2.4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	
2.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	



<b>NỘI DUNG</b>		<b>Trang</b>
2.2.6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	
2.2.7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	
<b>PHẦN III.</b>	<b>TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>	
<b>PHẦN IV.</b>	<b>ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ</b>	

## **PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1.** Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

**Phụ lục 2.** Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

**Phụ lục 3.** Bảng mã minh chứng

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu viết tắt	Từ viết tắt
1.	BM	Bộ môn
2.	Bộ LĐ TBXH	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
3.	CBGV	Cán bộ giáo viên
4.	CĐ	Cao đẳng
5.	CĐN	Cao đẳng nghề
6.	CBVCNV	Cán bộ - viên chức – nhân viên
7.	CNVC	Công nhân viên chức
8.	CSVC	Cơ sở vật chất
9.	CVHT	Cổ vấn học tập
10.	CTĐT	Chương trình đào tạo
11.	DN	Doanh nghiệp
12.	GT	Giáo trình
13.	GV	Giáo viên
14.	HCM	Hồ Chí Minh
15.	HSSV	Học sinh - sinh viên
16.	LĐTBXH	Lao động, Thương binh và xã hội
17.	KT&KĐCL	Khảo thí và Kiểm định chất lượng
18.	NSNN	Ngân sách Nhà nước
19.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
20.	QĐ	Quyết định
21.	SV	Sinh viên
22.	SVHS	Sinh viên – học sinh
23.	TCDN	Tổng cục Dạy nghề
24.	TCHC	Tổ chức hành chính
25.	UBND	Ủy Ban nhân dân



## PHẦN I.

# GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

### 1.1. Thông tin khái quát về trường

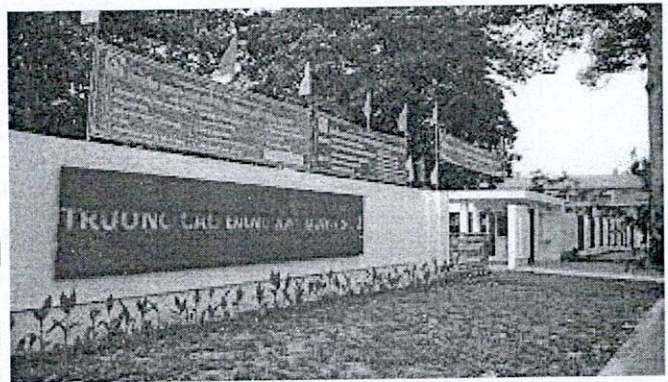
Tên trường : **TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP HỒ CHÍ MINH**

Tên Tiếng Anh: **HCM CONSTRUCTION COLLEGE**

Cơ quan chủ quản: Bộ Xây dựng

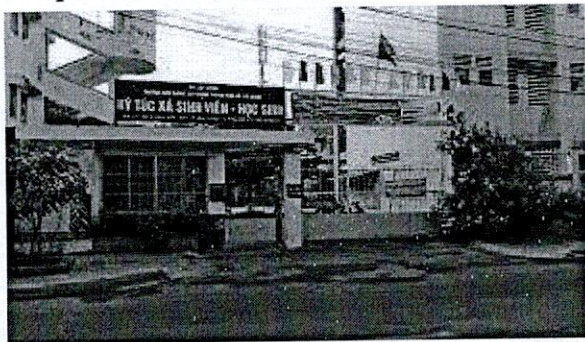
Địa chỉ trường:

*Trụ sở chính:* Số 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM;





*Cơ sở 02:* Khu ký túc xá - Địa chỉ: Số 02 đường Hoàng Diệu, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.



*Cơ sở 3:* Trung tâm đào tạo thực hành - Ứng dụng công nghệ Xây dựng - Địa chỉ đường 11, phường Long Bình, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

Số điện thoại liên hệ: 0838960087 – 083.8962938      Số Fax: 083.8968161

Email:

Website: [www.hcmcc.edu.vn](http://www.hcmcc.edu.vn)

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1976

- Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2017

Loại hình trường: Công lập:

Tư thực:

## 1.2 Thông tin khái quát về lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh - tiền thân là Trường Trung học xây dựng Số 7, được thành lập năm 1976 theo Quyết định số 86/BXD-TC ngày 14/2/1976 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Đến năm 1999, để tương xứng với tiềm năng và quy mô phát triển của nhà trường và nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương khu vực phía nam, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 trên cơ sở Trường Trung học Xây dựng số 7 theo quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng chính phủ. Đến năm 2017 trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh.

### ***Chức năng, nhiệm vụ được giao là:***

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh (ban hành theo Quyết định số 672/QĐ-BXD ngày 26/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng) quy định chức năng nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 ( nay là Trường Cao đẳng Xây dựng Tp Hồ Chí Minh):

“Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 ( nay là Trường Cao đẳng Xây dựng Tp Hồ Chí Minh) có nhiệm vụ: Đào tạo cán bộ kỹ thuật bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật các ngành nghề trong lĩnh vực xây dựng; Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học – công nghệ tiên tiến, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ; Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong



những người học và trong đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên của Trường...”

### **Sứ mạng của Trường:**

Sứ mạng của trường Cao đẳng xây dựng TP Hồ Chí Minh được tuyên bố như sau:  
“Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh là cơ sở đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực ngành xây dựng có chất lượng, đồng thời là trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kết quả NCKH trong lĩnh vực xây dựng vào thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội chung của đất nước và khu vực Tp. Hồ Chí Minh, miền Đông và miền Tây Nam bộ”.

### **Hoạt động đào tạo:**

Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh có cơ cấu tổ chức gồm: 6 phòng chức năng, 4 Khoa, 6 Trung tâm và 1 bộ môn trực thuộc Ban giám hiệu. Trong năm 2024, trường thực hiện chuyển giao từ Bộ Xây dựng sang Bộ Lao động Thương binh và xã hội (Bộ LĐ - TBXH) Theo cơ cấu tổ chức được bộ LĐ - TBXH phê duyệt ngày 01/08/2024, cơ cấu tổ chức của trường đuwocj điều chỉnh thành 6 phòng chức năng, 5 khoa và 4 trung tâm. Với quy mô gần 2000 sinh viên học sinh đang theo học, hiện tại trường đang đào tạo 15 ngành ở bậc Cao đẳng gồm: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; Kế toán; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Cấp thoát nước; Công nghệ vật liệu xây dựng; Quản trị kinh doanh; Quản lý xây dựng; Quản lý tòa nhà; Trắc địa công trình; Điện công nghiệp; Quản trị kinh doanh bất động sản; Thiết kế nội thất, Thiết kế đồ họa và Logistic; trong đó ngành Thiết kế đồ họa là ngành học mới, đuwocj chính thức tuyển sinh từ năm 2024. Đối với bậc trung cấp chuyên nghiệp: trường tuyển sinh đào tạo 3 ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kế toán; Cấp thoát nước.

Ngoài ra, nhà trường đang liên kết với một số Trường đại học như ĐH Kiến trúc Tp.HCM, ĐH Bách Khoa, ĐH Giao thông vận tải, ĐH Tài nguyên Môi trường, ĐH Xây dựng Hà Nội... đào tạo liên thông từ bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp lên bậc đại học hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học...; đào tạo theo địa chỉ hệ trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng cho các địa phương như: Daklak, BRVT, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre... Bên cạnh đó, trường cũng tổ chức nhiều lớp sơ cấp nghề tại trường và tại cơ sở liên kết.

Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở 03 cấp trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề; Bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật – công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Tổ chức xây dựng, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề đối với ngành nghề được phép đào tạo; Tổ chức nghiên cứu khoa học; ứng dụng tiến



bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học, kỹ thuật theo quy định của pháp luật; Tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí cho người học nghề; Tổ chức cho người học nghề tham quan, thực tập tại doanh nghiệp; phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học nghề trong hoạt động dạy nghề.

Căn cứ nhu cầu thực tiễn đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương và khu vực, Trường được định hướng đầu tư thành trường nghề chất lượng cao đến năm 2025 để đáp ứng nhu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa \_ theo các quyết định:

+ Bộ Xây dựng đã giao nhiệm vụ cho trường về phát triển các ngành nghề trọng điểm và thống nhất danh mục nghề trọng điểm tại văn bản số 548/BXD – TCCB. Theo đó nhà Trường sẽ có 7 ngành trọng điểm, trong đó ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng là ngành trọng điểm quốc tế. Quá trình chuyển giao nguyên trạng từ Bộ Xây dựng về Bộ LĐ – TBXH về cơ bản không làm thay đổi nhiệm vụ chính của trường về phát triển các ngành nghề trọng điểm.

+ Quyết định 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ lao động thương binh và xã hội về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến 2025. Trường Cao đẳng xây dựng TP Hồ Chí Minh được lựa chọn với 7 ngành trọng điểm.

+ Quyết định 1432/QĐ –TTg ngày 26/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”.

+ Quyết định số 1495/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/10/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phê duyệt đầu tư dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”.

+ Quyết định số 1409/QĐ-BXD ngày 30/10/2018 của Bộ Xây dựng phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”, sử dụng nguồn vốn vay ODA của ngân hàng ADB.

Trường có vị trí ở khu vực trung tâm thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, có 3 cơ sở phục vụ đào tạo:

❖ **Cơ sở 01:** 190 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Cơ sở 1 là cơ sở chính, có chức năng là khu học tập và làm việc: có diện tích 15.300 m<sup>2</sup> (phục vụ cho công tác đào tạo, hoạt động dạy và học; các hoạt động khác của trường); bao gồm 4 khối nhà A, B, C, D.

Trong đó, khối nhà D (khu Nhà học đa năng) được đầu tư xây dựng mới theo quyết định số 1058a/QĐ-BXD ngày 14/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; gồm 10 tầng nổi và 01 tầng hầm, diện tích xây dựng công trình 1.280 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 14.116 m<sup>2</sup>; tổng



mức đầu tư là 229.004 triệu đồng (228.000 triệu đồng NSNN, 1.004 triệu đồng vốn huy động từ quỹ phát triển Nhà trường), hoàn thành cuối năm 2023 và đưa vào khai thác từ tháng 01/2024, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc hiện đại hoá cơ sở vật chất và cung cấp thêm nhiều tiện ích cho người học. Các chức năng của khu D gồm:

- + Khu giảng đường;
- + Khu vực làm việc của Ban giám hiệu, các khoa phòng và bộ môn;
- + Hội trường, phòng truyền thống trưng bày triển lãm, phòng khách;
- + Trung tâm thư viện;
- + Khu vực phòng nghỉ chuyên gia và giáo viên, không gian sân vườn và các phòng kỹ thuật;
- + Khu vực để xe và hệ thống kỹ thuật công trình (tầng hầm).

*Tổng diện tích sử dụng của cơ sở 1: 15.300 m<sup>2</sup>, trong đó:*

- Đất xây dựng: 4.030 m<sup>2</sup>
- Đất lưu không: 11.270 m<sup>2</sup>
- *Các phòng học được sử dụng chung:*
  - Khối phòng học lý thuyết: 8.230m<sup>2</sup> (62 phòng học với sức chứa từ 50HSSV/phòng): Bố trí tại khu B, C, D và A (lớp JCC).
  - Khối phòng máy: khoảng 1500 m<sup>2</sup> (19 phòng máy với tổng số 793 máy tính đang sử dụng), bố trí tập trung tại khu nhà D.
  - Phòng Ngoại ngữ chuyên dụng: 120 m<sup>2</sup> tại khu A.
  - Phòng Thực hành Điện tiêu chuẩn: 180 m<sup>2</sup> tại khu A.
- *Các công trình phụ trợ phục vụ người học:*
  - Thư viện: 450 m<sup>2</sup>
  - Hội trường: 450 m<sup>2</sup>
  - Phòng y tế: 25 m<sup>2</sup>
  - Căn tin: 500 m<sup>2</sup>
  - Sân thể thao: 1.000 m<sup>2</sup>
  - Bãi giữ xe: 1.000 m<sup>2</sup>
- ❖ **Cơ sở 02:** Khu ký túc xá có diện tích 8.240 m<sup>2</sup> (phục vụ chỗ ở cho GV, SV, HS).  
Địa điểm: Số 02 đường Hoàng Diệu, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
  - Số phòng: 80 phòng (Số người ở: 600)
  - Sân thể thao: 5.000 m<sup>2</sup>
  - Đất giao thông, sân đường: 1.937 m<sup>2</sup>



❖ **Cơ sở 03:** Trung tâm đào tạo thực hành và ứng dụng công nghệ xây dựng: có diện tích gần 15000 m<sup>2</sup>, là khu thực hành tập trung của nhà trường.

Địa điểm: đường 11, phường Long Bình, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

\* *Khối xưởng thực hành: 3.246 m<sup>2</sup> bao gồm*

TT	Các xưởng thực hành	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
1	Xưởng Nước	01	503	
2	Xưởng Điện	01	170	
3	Xưởng Cơ khí	01	150	
4	Xưởng Mộc - Trang trí nội thất	01	210	
5	Xưởng Bê tông Cốt thép – Kỹ thuật Nè	01	180	
6	Xưởng Giàn giáo Ván khuôn	01	100	
7	Phòng thí nghiệm VLXD	01	650	
8	Sân thực hành chung	01	1.283	
	<b>Cộng</b>		<b>3.246</b>	

\* *Các diện tích khác:*

- Sân thể thao: 1.935 m<sup>2</sup>
- Đất giao thông, sân đường: 4.764 m<sup>2</sup>
- Đất cây xanh: 4.572 m<sup>2</sup>

Đảng bộ cơ sở Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị, đạt được những thành tích trên các mặt đào tạo nghề, chăm lo đời sống cho CBVCNV và học sinh, sinh viên. Đảng bộ, chi bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu “Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh”.

Tổ chức Công đoàn cơ sở hoạt động có hiệu quả cao, quan tâm đến đời sống CBVCNV, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác dạy và học, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong nhà trường. Công đoàn được công nhận Công đoàn vững mạnh xuất sắc nhiều năm liền.

Đoàn Trường trực thuộc Đảng đoàn đảng ủy khối các đơn vị sự nghiệp phía Nam, đã tập hợp được đông đảo đoàn viên thanh niên tham gia các hoạt động. Đoàn trường đã



phát huy tích cực các phong trào giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, hoạt động văn hóa văn nghệ, công tác xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua dạy và học trong nhà trường, phối hợp hiệu quả cùng công đoàn trong các hoạt động phong trào chung. Đặc biệt, trong năm qua, Đoàn trường phối hợp cùng các đơn vị tham gia thực hiện thành công chương trình “Dịch chuyển GDNN ASEAN – KCCI”, góp phần quảng bá thương hiệu nhà trường.

## **2. THÔNG TIN VỀ KHOA XÂY DỰNG - PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

### **2.1 Thông tin khái quát**

Tên khoa: Khoa Xây dựng

Tên Tiếng Anh: Faculty of Civil Engineering

Số điện thoại: (084) 028.3.722.52.01

Email: [khoaxaydung@hcmcc.edu.vn](mailto:khoaxaydung@hcmcc.edu.vn); [vanphongkhoaxd@gmail.com](mailto:vanphongkhoaxd@gmail.com) (địa chỉ email này duy trì chuyên tiếp trong năm 2024, sẽ dừng hoạt động vào 31/12/2024)

Khoa được thành lập năm 2000 với tên gọi khoa Xây dựng, theo quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 29 tháng 3 năm 2001 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 2, với chức năng và nhiệm vụ chính là:

- Thực hiện đào tạo các nghề trong danh mục nghề đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/2010/TT-BLĐTBXH ngày 04/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Hiện tại Khoa Xây dựng đang đào tạo 04 nghề ở 02 cấp trình độ:

+ Trình độ cao đẳng nghề: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật giao thông; Quản lý tòa nhà và Trắc địa công trình.

+ Trình độ trung cấp: Nghề Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

- Phối hợp với Phòng Khoa học – hợp tác quốc tế và đảm bảo chất lượng (KH-HTQT – ĐBCL), Phòng Đào tạo tổ chức giám sát công tác kiểm tra kết thúc mô đun môn học theo quy định. Biên soạn, cung cấp đề kiểm tra kết thúc mô đun, môn học; đề khóa luận tốt nghiệp, đề thi Tốt nghiệp theo yêu cầu của Phòng Đào tạo.

- Thực hiện đúng tiến độ đào tạo, chế độ kiểm tra, thi, quản lý hồ sơ HS SV theo Quy chế đào tạo của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM. Chịu trách nhiệm về chất lượng giảng dạy cho học sinh, sinh viên. Quản lý sĩ số và duy trì số lượng học sinh – sinh viên, chịu trách nhiệm về giáo dục nhân cách và chuyên cần của học sinh - sinh viên.

- Định kỳ tiến hành rà soát, đề nghị điều chỉnh chương trình dạy nghề; hàng năm thực hiện bổ sung tài liệu tham khảo, giáo trình giảng dạy, xem xét điều chỉnh tiến độ giảng dạy chi tiết cho phù hợp với từng trình độ và nhu cầu xã hội.



- Thường xuyên đổi mới và đưa ra phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng lớp học nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác đào tạo nghề. Thực hiện tự kiểm định, đánh giá chất lượng đào tạo, tự kiểm định chương trình đào tạo, quy trình quản lý chất lượng theo quy định của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM.

*Kết quả thực hiện nhiệm vụ của khoa Xây dựng trong những năm gần đây:*

Năm học 2019 – 2020, Khoa Xây dựng được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc;

Năm học 2020 – 2021, Khoa Xây dựng được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Năm học 2021 – 2022, Khoa Xây dựng được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc.

Năm học 2022 – 2023, Khoa Xây dựng được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc.

## 2.2 Cơ cấu tổ chức

Năm học 2023-2024, Khoa Xây dựng có tổng cộng 25 nhân sự (24 GV + 1 thư ký khoa), gồm có 5 bộ môn trực thuộc và ban chủ nhiệm khoa, cụ thể:

STT	Bộ phận	Số lượng	Trình độ	Ghi chú
1	Văn phòng Khoa	+ 1 Phó khoa phụ trách khoa + 1 Thư ký khoa	Thạc sĩ Đại học	
2	BM Cơ Xây dựng	04 nhà giáo	04 Thạc sĩ	
3	BM Kết cấu	04 nhà giáo	03 Thạc sĩ + 01 Đại học	
4	BM Thi công	07 nhà giáo	06 Thạc sĩ + 01 Đại học	Trực tiếp phụ trách ngành Trắc địa công trình
5	BM Cầu đường	05 nhà giáo	05 Thạc sĩ	Trực tiếp phụ trách ngành CNCT Giao thông
6	BM Quản lý dự án	03 nhà giáo	03 Thạc sĩ	Trực tiếp phụ trách ngành Quản lý toà nhà

Về mặt tổ chức Đảng, khoa Xây dựng thuộc Chi bộ 3 ( cùng với khoa Kiến trúc).



Về mặt Công đoàn: toàn thể thành viên khoa Xây dựng là công đoàn viên thuộc Công đoàn bộ phận 3, thuộc Công đoàn Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM.

### 2.3 Các chương trình đào tạo được giao phụ trách

(Liệt kê các chương trình đào tạo được giao phụ trách)

STT	Tên chương trình đào tạo	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng - hệ Cao đẳng	
2	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật giao thông - hệ Cao đẳng	
3	Chương trình đào tạo nghề Trắc địa công trình - hệ Cao đẳng	
4	Chương trình đào tạo nghề Quản lý tòa nhà - hệ Cao đẳng	
5	Chương trình đào tạo nghề Xây dựng dân dụng và công nghiệp - hệ Trung học chuyên nghiệp	

## 3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

### 3.1 Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

- Bắt đầu tiến hành tuyển sinh và đào tạo hệ cao đẳng năm 1999.
- Chương trình đào tạo định kỳ đều được rà soát và chỉnh sửa cho phù hợp với nhu cầu thực tế cũng như trình độ của học sinh – sinh viên.
- Thành tích nổi bật:
  - + Hàng năm khoa Xây dựng chọn sinh viên tham dự các kỳ thi Olympic cơ học giữa các trường Đại học và Cao đẳng và từng đạt giải khuyến khích.
  - + Năm 2016: khoa Xây dựng đã chọn Sinh viên tham dự kì thi tay nghề cấp Asean và đạt giải 3
  - + Năm 2020: Sinh viên của khoa Xây dựng đã tham dự kì thi tay nghề cấp thành phố đạt giải nhất.
  - + Tháng 10/2022, hưởng ứng hoạt động đón tân SV, thầy – trò khoa Xây dựng đã thành lập đội tuyển 5H- HCC, tham gia cuộc thi Kết cấu chịu lực năm 2022 do Hội Sinh viên Tp.HCM tổ chức và xuất sắc giành được giải nhất, góp phần quảng bá thương hiệu nhà trường HCC tại thời điểm đó.
  - + Tháng 09/2023, thầy – trò liên quân 2 khoa Kiến trúc - Xây dựng đã thành lập đội tuyển Black Panther, tham gia cuộc thi The Future Civil Engineer do ĐH Sư Phạm Kỹ thuật Tp.HCM tổ chức. Là đội duy nhất đến từ bậc Cao đẳng, cùng thi đấu với 28 đội khác đến từ các trường ĐH, trong đó có các ĐH top đầu như Bách khoa, Sư phạm Kỹ thuật, ĐH Xây dựng miền Tây, ĐH Xây dựng miền Trung...đội đã xuất sắc lọt vào vòng 3, đồng thời đạt được nhiều giải thưởng phụ.



+ Năm 2024, khoa Xây dựng là lực lượng nòng cốt về chuyên môn (cùng với Trung tâm Đào tạo Thực hành ứng dụng công nghệ) tham gia thực hiện 2 lớp đào tạo ngắn hạn cho SV quốc tế thuộc khuôn khổ chương trình “Dịch chuyển GDNN ASEAN – Hàn Quốc” do Ban Thư ký ASEAN phối hợp Phòng Thương mại Công nghiệp Hàn Quốc tổ chức trong các quốc gia Đông Nam Á.

+ Tháng 09/2024, tiếp nối thành tích năm 2023, thầy – trò liên quân 2 khoa Kiến trúc - Xây dựng và lớp SV Asean đã thành lập 2 đội tuyển Dynamic Energy và VIBE (ASEAN), tham gia cuộc thi The Future Civil Engineer 2024 do ĐH Sư Phạm Kỹ thuật Tp.HCM tổ chức. Là đơn vị duy nhất đến từ bậc Cao đẳng, cùng thi đấu với 25 đội khác đến từ các trường ĐH, trong đó có các ĐH top đầu như Bách khoa, Sư phạm Kỹ thuật, ĐH Xây dựng miền Tây, ĐH Xây dựng miền Trung, 2 trường ĐH của Thái Lan...đội VIBE đã lọt vào vòng 2, còn đội Dynamic Energy đã xuất sắc lọt vào vòng 3 (Top 6 chung cuộc) với vị trí Nhất vòng 2.

### **3.2 Mục tiêu của chương trình đào tạo**

Năm 2024 khoa Xây dựng thực hiện đào tạo SV các khóa 2022CX, 2023CX và 2024CX cùng các sinh viên khóa 2021CX còn nợ môn, chưa đủ điều kiện tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo hiện đang áp dụng trong năm 2024 của ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng được rà soát, điều chỉnh, thẩm định, ban hành vào năm 2021 theo quyết định số 632/ QĐ-CĐXD ngày 25/08/2021, áp dụng cho sinh viên từ khóa 2021CX trở đi. SV các khóa 2024CX sử dụng CTĐT được ban hành theo quyết định số 630/ QĐ-CĐXD ngày 31/07/2024. Do đó, hiện tại khoa đang quản lý song song 2 CTĐT tạo ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng. Trong các nội dung tiếp theo của mục này – bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, sẽ được trình bày lần lượt cả 2 CTĐT, trong đó chỉ số a dành cho CTĐT được ban hành theo quyết định số 632/ QĐ-CĐXD ngày 25/08/2021, áp dụng cho sinh viên khóa 2021CX – 2023CX, chỉ số b dành cho CTĐT được ban hành theo quyết định số 630/QĐ-CĐXD ngày 31/07/2024 bắt đầu áp dụng cho sinh viên khóa 2024CX trở đi.

#### **3.2.1. Mục tiêu chung: (đồng nhất cho cả 2 CTĐT nên trình bày chung)**

- Đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho hoạt động thi công xây dựng, phù hợp với quy mô công trình cấp III trở lên; tham gia các hoạt động tư vấn xây dựng (khảo sát, thiết kế, giám sát, đấu thầu), sản xuất kinh doanh vật liệu – trang thiết bị xây dựng, và các dịch vụ chuyên ngành khác (kiểm định, thí nghiệm, quản lý vận hành...).

- Đào tạo người học có sự phát triển toàn diện, có phẩm chất đạo đức, chính trị, ý thức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp, ý thức phục vụ, có trách nhiệm công dân.

- Đào tạo người học có kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành vững vàng, đủ năng lực tham gia thị trường lao động, phù hợp với xu hướng tiếp cận công nghệ xây



dựng hiện đại, hướng đến hội nhập – cạnh tranh với thị trường lao động của các quốc gia trong khu vực và quốc tế.

### **3.2.2. Mục tiêu cụ thể: (đồng nhất cho cả 2 CTĐT nên trình bày chung)**

Từ mục tiêu chung đã đề ra, chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng sẽ trang bị cho người học các mục tiêu cụ thể như sau:

Mục tiêu 1: Hình thành nền tảng vững chắc về kiến thức chính trị, pháp luật, an ninh - quốc phòng, ... và kiến thức cơ sở ngành.

Mục tiêu 2: Vận dụng thành thạo các kỹ năng tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp và tư duy sáng tạo.

Mục tiêu 3: Giao tiếp hiệu quả, biết tổ chức, quản lý và làm việc nhóm.

Mục tiêu 4: Vận hành tốt các năng lực hình thành ý tưởng, lên kế hoạch, triển khai, giám sát, đánh giá.

Mục tiêu 5: Có khả năng nắm bắt các nhu cầu xã hội, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp.

Các mục tiêu trên được chi tiết hóa thành các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

#### *a) Kiến thức*

##### *\* Kiến thức chung:*

- CDR 1: Trình bày được những kiến thức cơ bản về: chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất theo quy định.

- CDR 2: Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo, phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

##### *\* Kiến thức chuyên môn:*

- CDR 3: Trình bày được quy trình an toàn trong thi công công trình, bao gồm các thao tác thi công đất, thi công cọc, giàn giáo, làm việc trên cao, an toàn điện, phòng chống cháy nổ và các quá trình thi công khác; các biện pháp và phương tiện bảo hộ cá nhân;

- CDR 4: Trình bày được các nội dung cơ bản về giám sát an toàn lao động (theo hướng tiếp cận HSE trong xây dựng), phương pháp đảm bảo vệ sinh môi trường; phương pháp xử lý nước thải trong thi công và chất thải rắn xây dựng; các biện pháp bảo vệ môi trường và phương thức “Xanh hóa” trong kỹ thuật xây dựng;

- CDR 5: Trình bày được quy cách, tính chất của các loại vật liệu thường dùng trong xây dựng; và cập nhật kiến thức về các loại vật liệu xây dựng mới;



- CDR 6: Trình bày được các bộ phận cấu thành công trình xây dựng; phương pháp tính toán một số bộ phận kết cấu trong công trình xây dựng (cột, dầm, sàn, ...);

- CDR 7: Tính toán được các loại tải trọng và tổ hợp tải trọng tác dụng lên công trình;

- CDR 8: Trình bày được quy trình tính toán và phân tích được kết quả nội lực các cấu kiện cơ bản; vẽ được biểu đồ bao vật liệu cho dầm;

- CDR 9: Phân tích được số liệu của bảng thống kê địa chất; So sánh được ưu, nhược điểm của các phương án kết cấu; đề xuất được phương án kết cấu phù hợp với địa chất, công năng sử dụng;

- CDR 10: Định nghĩa được các loại kí hiệu, kí tự, chú thích trong bản vẽ xây dựng, đọc hiểu thành thạo bản vẽ thiết kế (bao gồm các bản vẽ hệ thống kỹ thuật).

- CDR 11: Trình bày được phương pháp tính khối lượng các công tác xây dựng từ thi công đất, thi công móng...đến các công tác hoàn thiện (bao gồm hệ thống kỹ thuật công trình); phương pháp lập dự toán một số hạng mục công trình cơ bản. Phân tích được định mức vật liệu, nhân công trong các công tác thi công xây dựng, từ thi công đất, gia cố nền móng đến thi công hoàn thiện;

- CDR 12: Mô tả rõ tính năng, tác dụng, phạm vi sử dụng các loại dụng cụ cầm tay, các máy móc thiết bị đặc trưng và các trang thiết bị kỹ thuật cơ bản khác trong công trình; Trình bày được phương pháp xây dựng lưới trục định vị phục vụ thi công;

- CDR 13: Trình bày được phương pháp nhận biết cấp đất, loại đất; các biện pháp xử lý nền móng; trình tự và phương pháp thi công đất bằng thủ công, bằng cơ giới, trình tự và phương pháp thi công cọc BTCT đúc sẵn, các giải pháp an toàn tương ứng, các yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu;

- CDR 14: Trình bày được trình tự và phương pháp thi công các kết cấu BTCT, từ công tác gia công, lắp dựng cốt thép, cốp pha, giàn giáo...đến chế tạo vận chuyển, san, đầm, làm mặt, bảo dưỡng bê tông...; trình tự thi công một số kết cấu bê tông: móng, cột, dầm, sàn, tường và xử lý được mạch ngừng bê tông, các giải pháp đảm bảo an toàn, các yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu;

- CDR 15: Trình bày được trình tự và phương pháp xây, trát, ốp, lát, bả matít, lăn sơn, lắp đặt goong cửa, lắp dựng khuôn cửa, lắp đặt thiết bị vệ sinh, lợp ngói...., các giải pháp an toàn tương ứng, các yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu;

- CDR 16: Trình bày được phương án thi công đối với các hạng mục trong công trình xây dựng: biện pháp thi công, tổ chức và quản lý thi công, giải pháp an toàn, các yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu; Phân tích được các nguyên nhân gây sai hỏng, các



lỗi kỹ thuật cơ bản thường gặp trong quá trình thi công và đề xuất biện pháp phòng tránh, khắc phục;

- CĐR 17: Trình bày được nguyên tắc thiết kế tổ chức thi công công trình xây dựng, lập và quản lý tiến độ thi công, thiết lập tổng mặt bằng thi công, tổ chức bộ máy công trường;

b) *Kỹ năng*

\* *Kỹ năng chung:*

- CĐR 18: Sinh viên có khả năng nhận thức, tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng; truyền đạt thông tin chính xác, giao tiếp hiệu quả.

\**Kỹ năng chuyên môn:*

- CĐR 19: Hiểu rõ cấu tạo, đọc hiểu chính xác hồ sơ thiết kế (bao gồm các bản vẽ hệ thống kỹ thuật); lựa chọn được nội dung và phạm vi áp dụng của từng tiêu chuẩn trong thiết kế, thi công xây dựng; thể hiện bản vẽ theo đúng những tiêu chuẩn cơ bản trong vẽ kỹ thuật; vẽ được các loại hình chiếu: chiếu bằng, chiếu đứng, mặt cắt;

- CĐR 20: Thực hiện quy trình an toàn trong thao tác thi công đất, thi công bê tông, giàn giáo, làm việc trên cao; Hướng dẫn, phổ biến, kiểm tra, giám sát và khắc phục được sai sót về an toàn lao động và vệ sinh môi trường;

- CĐR 21: Tính toán được khối lượng các công việc trong thi công công trình dân dụng và công nghiệp; lập được dự toán công trình xây dựng và dân dụng;

- CĐR 22: Tính toán được một số kết cấu bộ phận như cột, dầm, sàn, móng đơn; kiểm tra được khả năng chịu lực của các cấu kiện cơ bản; xử lý được tình huống kết quả tính không đủ khả năng chịu lực; Triển khai được hồ sơ bản vẽ theo yêu cầu và kết quả tính toán của cán bộ chủ trì thiết kế;

- CĐR 23: Quản lý và tổ chức thi công bao gồm: Lập biện pháp thi công, tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, bố trí tổng mặt bằng thi công, dự trù – cung ứng các nguồn lực, tổ chức bộ máy nhân sự trên công trường, thiết lập các biện pháp kiểm tra, giám sát an toàn lao động và vệ sinh môi trường;

- CĐR 24: Lựa chọn và sử dụng được các thiết bị, dụng cụ chuyên dùng, dụng cụ đo kiểm tra trong nghề xây dựng, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn; Thực hiện thành thạo các công tác đo xác định tim trục, cao độ, vạch dấu kích thước, vị trí... để thi công các hạng mục công trình.

- CĐR 25: Hiểu rõ quy trình thi công các công tác kỹ thuật, từ công tác cọc, công tác đất...đến các công tác hoàn thiện; Thực hiện được công tác trộn bê tông, trộn vữa bằng thủ công, bằng máy; trộn, vận chuyển, san, đầm, làm mặt, bảo dưỡng bê tông; Xây



được các kết cấu gạch đá cơ bản: tường, trụ liền tường, tam cấp...; thực hiện được một số công tác hoàn thiện cơ bản: trát, láng, ốp, lát..., bả matít, lăn sơn, lắp đặt cửa và thiết bị vệ sinh...

- CĐR 26: Lập được phiếu nghiệm thu, bàn giao theo mẫu quy định; thực hiện được công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm xây dựng.

- CĐR 27: Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- CĐR 28: Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; thành thạo tin học văn phòng, sử dụng được phần mềm vẽ kỹ thuật Autocad và một số phần mềm chuyên dụng trong xây dựng để vận dụng vào công việc chuyên môn;

*c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- CĐR 29: Có năng lực làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm; sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế khi thực hiện công việc; có đạo đức nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động; nhận thức được nhu cầu học tập suốt đời để duy trì, cải thiện các kỹ năng mềm.

- CĐR 30: Có năng lực quan sát, hướng dẫn những người khác thực hiện nhiệm vụ; có khả năng giám sát, đánh giá chất lượng công việc của bản thân và các thành viên trong nhóm; Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; có trách nhiệm xã hội và tôn trọng đa dạng văn hóa.

*d) Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:*

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm ở nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau, với những vị trí việc làm cụ thể bao gồm:

- Cán bộ kỹ thuật hiện trường tại các doanh nghiệp xây dựng:

- Thi công đất và gia cố nền, thi công cọc BTCT đúc sẵn;
- Thi công ván khuôn, giàn giáo;
- Thi công cốt thép;
- Thi công bê tông;
- Thi công lắp dựng kết cấu thép;
- Thi công kết cấu gạch đá;
- Thi công hoàn thiện;
- Khai triển / quản lý bản vẽ chi tiết thi công;



- Quản lý an toàn lao động, giám sát thi công (của nhà thầu xây dựng);
- Quản lý khối lượng, chất lượng nội bộ, ...

- Cán bộ kỹ thuật tại văn phòng / phòng kỹ thuật các doanh nghiệp xây dựng: Lập hồ sơ đấu thầu, Bóc tách khối lượng, dự toán và thanh quyết toán công trình...;

- Cán bộ kỹ thuật tại phòng kỹ thuật, phòng thiết kế thuộc các doanh nghiệp xây dựng: thiết kế các công trình xây dựng dân dụng cấp IV, tham gia thiết kế các công trình từ cấp III.

- Nhân viên kỹ thuật trong các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực hay dịch vụ có liên quan như thí nghiệm / kiểm định xây dựng, kinh doanh trang thiết bị xây dựng, quản lý khai thác - vận hành bất động sản..., hoặc các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao thông hay hạ tầng kỹ thuật...

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng cũng có thể làm việc được với trong các đội quản lý trật tự xây dựng đô thị của địa phương, nhân viên địa chính - xây dựng trong các đơn vị hành chính phù hợp....

- Sinh viên tốt nghiệp hệ Cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng có thể học tập liên thông lên đại học cùng chuyên ngành; đủ điều kiện tham gia sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề theo các quy định hiện hành khi có đủ thời gian hoạt động chuyên môn phù hợp.

- Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng cũng có thể học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ và tham gia giảng dạy tại các trường Cao đẳng, Trung cấp, các Trung tâm đào tạo ... có liên quan về chuyên môn.

*(Tùy theo thiên hướng và năng lực của người học, có thể định hướng để đảm nhận một hay nhiều vị trí công việc cụ thể trong các vị trí nêu trên).*

### **3.3 Phương thức đào tạo (tương đồng cho cả 2 CTĐT nên trình bày chung)**

- Phương thức đào tạo đang được áp dụng đối với chương trình đào tạo là dạy tập trung, sinh viên vừa học vừa làm: học lý thuyết vừa kết hợp thực hành, tiếp cận thực tế qua các đợt thực tập sản xuất tại cơ sở.

- Đặc điểm của phương thức đào tạo dạy tập trung tại trường là truyền đạt kiến thức trực tiếp cho học sinh, sinh viên. Giải đáp các thắc mắc và yêu cầu của học sinh, sinh viên ngay tại chỗ. Tạo môi trường học tập lành mạnh, hoà đồng.

- Đặc điểm của phương thức đào tạo dạy sinh viên vừa học vừa làm là sinh viên được áp dụng kiến thức vào thực tế công việc, được tiếp cận với máy móc, trang thiết bị nhằm rèn luyện tay nghề, nâng cao kỹ năng.



- Đặc điểm của phương thức đào tạo tiếp cận thực tế qua các đợt thực tập sản xuất tại cơ sở là sinh viên được trực tiếp làm việc như một nhân viên tại các đơn vị thực tập, được trải qua môi trường làm việc thực tế với các kiến thức đã học và các kiến thức mới.

### 3.4 Tóm tắt nội dung chương trình dạy nghề:

- Chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng được ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-CĐXD2 ngày 09/09/2015, đã được bổ sung, điều chỉnh lần 1 vào năm 2018 (theo quyết định số 183/ QĐ-CĐXD ngày 21/03/2018, điều chỉnh lần 2 vào năm 2021 theo quyết định số 632/ QĐ-CĐXD ngày 25/08/2021, điều chỉnh và ban hành lần 3 theo quyết định số 630/ QĐ-CĐXD ngày 31/07/2024\_ bắt đầu áp dụng cho sinh viên khóa 2024CX trở đi. Vì thế, sẽ có 2 CTĐT chi tiết được trình bày lần lượt.

a. Các môn học/mô đun của chương trình đào tạo ban hành theo quyết định số 632/ QĐ-CĐXD ngày 25/08/2021 (áp dụng cho SV ngành CNKT CT XD từ khóa 2021CX – 2023CX):

STT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm /bài tập /thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>A. CÁC HỌC PHẦN CHUNG/ĐẠI CƯƠNG</b>							
<b>I</b>	<b>I</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>21</b>	<b>435</b>	<b>173</b>	<b>239</b>	<b>23</b>
1	23200101	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
2	23800029	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	23102102	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	23102101	Giáo dục Quốc phòng	4	75	36	35	4
5	23103104	Tin học	3	75	15	58	2
		<i>Tiếng Anh</i>					
6.1	23300101	Anh văn 1	2	45	15	28	2
6.2	23300102	Anh văn 2	2	45	15	28	2
6.3	23300106	Anh văn 3	2	30	28	0	2
<b>II</b>	<b>II</b>	<b>Học phần tự chọn</b>					
....	.....						
<b>CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN NGHỀ NGHIỆP</b>							



<b>I</b>	<b>I</b>	<b>Học phần cơ sở</b>					
<b>1</b>	<b>1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>17</b>	<b>345</b>	<b>155</b>	<b>168</b>	<b>22</b>
1	2420110...	Hình họa - Vẽ kỹ thuật 1	3	60	24	30	6
2	23900118	Vật liệu xây dựng	3	60	30	27	3
3	23502102	Sức bền vật liệu 1	3	45	25	18	2
4	23502101	Cơ học kết cấu	3	60	29	28	3
5	24201201	Cấu tạo - Bản vẽ chuyên môn	2	45	22	20	3
6	23900007	Thí nghiệm VLXD	1	30	0	30	0
7	23501104	Cơ học đất	2	45	25	18	2
<b>2</b>	<b>2</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 1 trong... học phần)</b>					
....	.....						
<b>II</b>	<b>II</b>	<b>Học phần chuyên môn</b>					
<b>1</b>	<b>1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>40</b>	<b>1020</b>	<b>308</b>	<b>650</b>	<b>62</b>
1	23501101	Bê tông cốt thép 1	2	45	20	22	3
2	23501102	Bê tông cốt thép 2	2	45	15	27	3
3	23501205	Thực hành Kết cấu Bê tông cốt thép	2	60	3	33	2
4	23501108	Nền móng	2	45	25	18	2
5	23501207	Kết cấu thép	2	45	20	23	2
6	23506112	Kỹ thuật thi công	3	60	36	20	4
7	23506202	Thực hành lập biện pháp KTTC	2	60	12	48	0
8	23506101	An toàn lao động	2	30	27	0	3
9	23506219	Trắc địa	3	60	28	28	4
10	23601104	Dự toán xây dựng	3	60	25	30	5
11	23506118	Tổ chức thi công	2	45	22	20	3
12	23506204	Thực hành lập biện pháp TCTC	2	60	10	50	0
13	23402195	Lắp đặt điện công trình	2	60	10	48	2
14	23700119	Cấp thoát nước	2	30	27	0	3
15	23401214	Thực hành tay nghề cơ bản 1	3	90	7	77	6
16	23401215	Thực hành tay nghề cơ bản 2	3	90	6	77	7
17	23401117	Thực tập tốt nghiệp	3	135	14	109	12
<b>2</b>	<b>2</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 2 học phần, tối thiểu 4 tín chỉ)</b>	<b>4</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>60</b>	<b>0</b>



18a	23506220	Trắc địa nâng cao	2	45	15	30	0
18b	23100101	Kỹ năng mềm	2	45	15	30	0
18c	23502206	AutoCad	2	45	15	30	0
19a	23602101	Giám sát và quản lý khối lượng	2	45	15	30	0
19b	23602106	Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2	45	15	30	0
19c	23502207	Tin học ứng dụng ngành XD	2	45	15	30	0
.....	.....						
<b>B. CÁC HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP</b>							
<i>1</i>	<i>1</i>	<i>Học phần bắt buộc</i>	<b>5</b>	<b>225</b>	<b>0</b>	<b>225</b>	<b>0</b>
1	23500101	Khóa luận tốt nghiệp	5	225	0	225	0
.....	.....						
2	2	<i>Học phần thay thế (nếu không làm khóa luận tốt nghiệp)</i>					
2.1	23501203	Thực hành Kết cấu tổng hợp	3	90	38	48	4
2.2	23506203	Thực hành Lập biện pháp thi công lắp ghép	2	60	10	50	0
	<b>Tổng cộng</b>		<b>87</b>	<b>2115</b>	<b>666</b>	<b>1342</b>	<b>107</b>

b. Các môn học/mô đun của CTĐT ban hành theo quyết định số 630/QĐ-CDXD ngày 31/07/2024 (áp dụng cho SV ngành CNKT CT XD từ khóa 2024CX trở đi):

Stt	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số giờ	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/TN/ Bài tập/ Thảo luận	Thi/ Kiểm tra
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>A</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>133</b>	<b>281</b>	<b>21</b>
1	23200103	Giáo dục Chính trị	5	75	60	10	5



2	23100102	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	23102102	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	23102104	Giáo dục quốc phòng & an ninh	3	75	15	56	4
5	23103105	Tin học	3	75	15	58	2
6		Anh văn					
6.1	23300108	Anh văn 1	2	60	10	48	2
6.2	23300109	Anh văn 2	2	60	10	48	2
	<b>B</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>					
<b>I</b>	<b>I</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>19</b>	<b>390</b>	<b>166</b>	<b>196</b>	<b>28</b>
1	24201104	Hình họa - Vẽ kỹ thuật 1	3	60	24	30	6
2	23900118	Vật liệu xây dựng	3	60	30	27	3
3	23502102	Sức bền vật liệu 1	3	45	25	18	2
4	23502101	Cơ học kết cấu	3	60	29	28	3
5	24201126	Cấu tạo - Bản vẽ chuyên môn	2	45	18	23	4
6	23900119	Thí nghiệm VLXD	1	30	0	27	3
7	23501104	Cơ học đất	2	45	25	16	4
8	23502104	AutoCad	2	45	15	27	3
<b>II</b>	<b>II</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>49</b>	<b>1335</b>	<b>353</b>	<b>914</b>	<b>68</b>
<b>II.1</b>	<b>II.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>45</b>	<b>1245</b>	<b>323</b>	<b>860</b>	<b>62</b>
1	23501101	Bê tông cốt thép 1	2	45	19	22	4
2	23501102	Bê tông cốt thép 2	2	45	17	25	3
3	23501109	Thực hành Kết cấu BTCT	2	60	18	40	2
4	23501108	Nền móng	2	45	25	18	2
5	23501110	Kết cấu thép	2	45	20	23	2
6	23506112	Kỹ thuật thi công	3	60	36	20	4
7	23506127	Thực hành lập Biện pháp KTTC	2	60	12	48	0
8	23506101	An toàn lao động	2	30	27	0	3
9	23506125	Trắc địa	3	60	28	28	4
10	23601103	Dự toán xây dựng	3	60	25	30	5
11	23506118	Tổ chức thi công	2	45	22	20	3
12	23506128	Thực hành lập Biện pháp TCTC	2	60	10	50	0
13	23402195	Lắp đặt điện công trình	2	60	10	48	2
14	23700124	Cấp thoát nước	2	30	27	0	3
15	23401119	Thực hành tay nghề cơ bản 1	3	90	7	77	6
16	23401120	Thực hành tay nghề cơ bản 2	3	90	6	77	7
17	23401117	Thực tập tốt nghiệp	3	135	14	109	12
18	23500101	Khóa luận tốt nghiệp	5	225	0	225	0
		<b>Học phần thay thế tốt nghiệp</b>					



19.1	23501111	Thực hành kết cấu tổng hợp	3	90	22	63	5
19.2	23506129	Thực hành lập biện pháp thi công lắp ghép	2	60	10	50	0
<b>II.2</b>	<b>II.2</b>	<b>Môn học tự chọn (chọn 4 tín chỉ trong các MH sau)</b>	<b>4</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>54</b>	<b>6</b>
20.a	23103103	Tin học ứng dụng ngành XD	2	45	15	27	3
20b	23602106	Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2	45	14	30	1
20c	23602101	Giám sát và quản lý khối lượng	2	45	14	30	1
21.a	23502105	Revit căn bản	2	45	15	27	3
21b	23502103	Sức bền vật liệu 2	2	45	17	26	2
21c	23506126	Trắc địa nâng cao	2	45	13	30	2
		<b>Tổng cộng</b>	<b>87</b>	<b>2160</b>	<b>652</b>	<b>1391</b>	<b>117</b>

### 3.5 Địa điểm đào tạo, quy mô tuyển sinh theo giấy đăng ký hoạt động dạy nghề, kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

- Quy mô tuyển sinh theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề tại từng cơ sở đào tạo:

+ Trụ sở chính: Tại trường Cao đẳng xây dựng TP. HCM

- Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp tại từng cơ sở đào tạo

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỷ lệ tuyển sinh so với kế hoạch	Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế			
<b>I</b>	<b>Tại trụ sở chính</b>					
1	Năm 2020	420	303	72.1%	44.6%	Chưa xét HV, TL/Tổng ban đầu
2	Năm 2021	420	251	59,8%	49.6%	
3	Năm 2022	420	250	59.5%	%	Chưa TN
4	Năm 2023	420	211	50.2%	%	Chưa TN
5	Năm 2024	350	211	60.3%	%	Chưa TN

### 3.6 Đội ngũ nhà giáo

(Thống kê nhà giáo đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy tất cả các môn học, mô đun nghề của chương trình đào tạo, không tính giáo viên dạy các môn cơ sở)

- Nam: 15                      - Nữ: 09

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Nghiên cứu sinh	1		1
Thạc sĩ	12	8	20
Đại học	2	1	3



<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tổng số</b>
Cao đẳng			
Trung cấp			
Công nhân bậc 5/7 trở lên	14	8	22
Trình độ khác			
<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	<b>09</b>	<b>24</b>

### **3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo:**

Khoa Xây dựng là một Khoa chuyên môn của trường Cao đẳng Xây dựng TP. HCM, chịu trách nhiệm quản lý 04 ngành nghề ở 02 cấp trình độ:

+ Trình độ cao đẳng: nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật giao thông; Quản lý tòa nhà; Trắc địa công trình.

+ Trình độ trung cấp Nghề Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Trong những năm qua, nhà trường có sự đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, xưởng thực hành tương đối qui mô và hiện đại đáp ứng yêu cầu giảng dạy của toàn trường, bao gồm các ngành nghề do khoa Xây dựng quản lý chuyên môn. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào ngành CNKT CT Xây dựng bao gồm:

+ Các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, ánh sáng và máy chiếu phục vụ giảng dạy.

+ Các phòng máy tính có cài đặt các phần mềm chuyên ngành xây dựng.

+ Hệ thống 06 xưởng thực hành với trang thiết bị hiện đại để phục vụ giảng dạy \_ thuộc Trung tâm đào tạo thực hành và ứng dụng công nghệ xây dựng quản lý (cơ sở 3)\_ bao gồm các xưởng như Xưởng thực hành Nền - Cốt thép – Bê tông, Xưởng thực hành Hàn, Xưởng thực hành Mộc, Xưởng thực hành Nước, Xưởng thực hành Điện.

+ Phòng thí nghiệm VLXD đạt tiêu chuẩn LAS (LAS 106) của Bộ Xây dựng – do BM Vật liệu xây dựng quản lý – hiện đặt tại cơ sở 3.

+ Trung tâm Phát triển kỹ năng chất lượng cao ngành điện, tự động hoá và năng lượng tái tạo đặt tại cơ sở 1, do tập đoàn Schneider tài trợ;

+ Thư viện – thư viện số: cung cấp thông tin, tài liệu, giáo trình..phục vụ đào tạo.

#### *Hạng mục, công trình phục vụ đào tạo*

<b>TT</b>	<b>Hạng mục, công trình</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Ghi chú</b> (đang xây dựng hoặc đã hoàn thành)
1	Văn phòng Khoa	m <sup>2</sup>	80	Đã hoàn thành



2	Phòng học lý thuyết	m <sup>2</sup>	6400	Đã hoàn thành
3	Phòng máy tính	m <sup>2</sup>	500	Đã hoàn thành
4	Xưởng thực hành – Phòng TN	m <sup>2</sup>	3031	Đã hoàn thành
5	Thư viện	m <sup>2</sup>	450	Đã hoàn thành

*Trang thiết bị do đơn vị quản lý*

TT	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Tổng số máy tính của đơn vị	Chiếc	06	
2	Máy in A4	Chiếc	02	
3	Máy thủy bình	Bộ	12	
4	Máy thủy bình laser	Bộ	01	
5	Máy chiếu thiên đỉnh	Bộ	01	
5	Máy kính vĩ	Bộ	15	02 máy điện tử và 13 máy quang học
6	Máy toàn đạc điện tử	Bộ	01	

## PHẦN II.

### KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Tổng quan chung

##### 1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường Cao đẳng nghề do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy trình kiểm định chất lượng dạy nghề;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục dạy nghề về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng .

- Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng số 66/KH-CDXD ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh



## **1.2. Mục đích tự đánh giá**

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện như: mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên so với bộ tiêu chí.

Xác định mức độ đạt được của nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ số) kiểm định chất lượng đào tạo nghề của Trường Cao đẳng nghề.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn và dài hạn, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao.

## **1.3. Yêu cầu tự đánh giá**

1. Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Trường
2. Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường.
3. Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.
4. Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.
5. Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

## **1.4. Phương pháp tự đánh giá**

1. Căn cứ vào Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trường Cao đẳng nghề, Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công tác tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của trường.

2. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chương trình có liên quan, phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Trường.

3. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chương trình của Trường và gửi hội đồng Đánh giá của Trường.

4. Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của Trường.

## **1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá**



1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình và gửi cơ quan có thẩm quyền.

## 2. Tự đánh giá

### 2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá:

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường về chương trình đào tạo
	<b>ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC</b>		<b>Đạt chuẩn chất lượng</b>
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	<b>95</b>
1	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	a) Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
	b) Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	<b>13</b>	<b>11</b>
	a) Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	1
	b) Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức	2	2



	chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.		
	d) Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học lập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
	e) Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
	g) Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
	<b>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>16</b>	<b>14</b>
	a) Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	0
	b) Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	d) Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
	e) Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
	g) Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	h) Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao	2	2
	<b>4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình</b>	<b>24</b>	<b>22</b>



a) Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
b) Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
c) Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
d) Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
đ) Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
e) Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
g) Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
h) Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
i) Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
k) Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
l) Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
m) Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
<b>Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
a) Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng	2	2



	thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.		
	b) Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	d) Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
	e) Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
	g) Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
	h) Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy	2	2
	<b>Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học</b>	<b>8</b>	<b>8</b>
	a) Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
	b) Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường	2	2



	lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.		
	d) Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
	<b>Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
	a) Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	b) Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
	c) Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
	d) Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
	đ) Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
	e) Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
	g) Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 50% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	h) Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

## **2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn**

### **2.2.1. Tiêu chí 1. Mục tiêu, quản lý và tài chính**



**PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH  
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tiêu chí	Những điểm hạn chế	Kế hoạch khắc phục điểm hạn chế			
		Nội dung công việc sẽ triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện	Cá nhân, đơn vị phối hợp thực hiện
Tiêu chí 1: <i>Mục tiêu, quản lý và tài chính</i>		Năm 2023 - 2024 kết hợp với các ngành, đơn vị tiếp tục khai thác nguồn lực sẵn có của trường để đảm bảo đủ nguồn thu, đảm bảo mức chi tối thiểu theo quy định.	2025	Phòng KT tài chính	Các phòng CN, các TT và đơn vị ĐT gồm khoa Xây dựng
Tiêu chí 2: <i>Hoạt động đào tạo</i>	Triển khai công tác quản lý có nhiều cải tiến, thay đổi cập nhật và áp dụng phần mềm mới nên giảng viên đôi lúc còn lúng túng.	Tăng cường áp dụng công nghệ trong phân tích, quản lý, cảnh báo sớm trong quá trình quản lý các hoạt động trong nhà trường.	2024-2025	Phòng Đào tạo  (P. Quản lý Đào tạo)	P. KT-TC, các đơn vị liên quan, bao gồm khoa Xây dựng
Tiêu chí 3: <i>Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô của các công trình nghiên cứu khoa học còn thực hiện ở mức cấp trường, chưa có nhiều đề tài cấp Bộ và các đề án cấp quốc gia.</li> <li>- Khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ của đa số Gv khoa Xây dựng còn hạn chế do thiếu điều kiện cọ sát</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy mạnh và động viên CBGV tham gia công tác nghiên cứu khoa học cấp tỉnh và cấp Quốc gia.</li> <li>- Chuẩn hoá đội ngũ GV ( bao gồm GV khoa XD) học tập, chuẩn hoá trình độ CM NV theo quy định</li> <li>-Tạo môi trường thuận lợi (giao lưu, tổ chức lớp học..) để nâng cao khả năng giao tiếp –</li> </ul>	2024 - 2025	Giáo viên toàn trường (bao gồm) Khoa xây dựng	Phòng KH-HTQT-ĐBCL và phòng TCHC



		giảng dạy bằng tiếng Anh, phù hợp với định hướng phát triển ngành CNKT CTXD			
Tiêu chí 4: <b>Chương trình, giáo trình</b>	Tìm kiếm cơ hội giao lưu học thuật quốc tế			Phòng KH-HTQT-ĐBCL	Phòng Đào tạo + các khoa ( bao gồm khoa Xây dựng)
Tiêu chí 5: <b>Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	Hiện tại chưa có các phòng học chuyên đề có trang bị các mô hình máy móc thiết bị nhỏ trong XD, cũng chưa có các máy cơ giới lớn để SV kiến tập / thực tập.	Trường đẩy mạnh việc hợp tác doanh nghiệp, kết hợp tham quan thực tế trong quá trình đào tạo chuyên ngành để SV nghề CNKT CTXD được tiếp cận sớm môi trường làm việc thực tế của ngành xây dựng.	2024-2025	Bộ phận hợp tác DN	Phòng Quản trị, Phòng Đào tạo và TTĐT TH & UDCNXD và Khoa xây dựng
Tiêu chí 6: <b>Dịch vụ cho người học</b>	Cần đa dạng hóa – hiện đại hóa các dịch vụ cho người học	Năm 2024 - 2025 kết hợp với các ngành, đơn vị tổ chức đa dạng các hoạt động phong trào cho học sinh, sinh viên.	2024-2025	Phòng Công tác HSSV – Thư viện	Các đơn vị trực thuộc (Trung tâm Đào tạo – Dịch vụ, Đoàn trường, Ký túc xá...)
Tiêu chí 7: <b>Giám sát, đánh giá chất lượng</b>		Năm học 2024-2025 Phòng KH-HTQT&KĐCL tiếp tục sử dụng phần mềm khảo sát mức độ hài lòng của HSSV đối với công tác đào tạo, công tác phục vụ đào tạo.. của nhà trường.	2024-2025	Phòng KH-HTQT&KĐCL	Các đơn vị trong trường



## PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Việc triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng là khâu quan trọng trong việc đảm bảo CLĐT của Khoa xây dựng cũng như của Nhà trường. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ LĐTĐBXH ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác đã tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành CNKTCTXD, qua đó thấy được những mặt mạnh, những mặt tồn tại để Khoa xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT.

#### 1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng

##### *1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Mục tiêu của CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường CĐXD TP. HCM, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học và mục tiêu đào tạo của Khoa Xây dựng.

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng được xác định rõ ràng, thể hiện rõ các yêu cầu về trình độ kiến thức chuyên môn, năng lực, kỹ năng thực hành, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe đối với người học khi tốt nghiệp; được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, từ các nhà tuyển dụng lao động, người học, cựu người học và được công bố công khai theo quy định.

##### *1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo*

Bản mô tả CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng thể hiện đầy đủ thông tin, tích hợp những nội dung mới nhất liên quan; xu hướng đào tạo hiện đại. Đề cương chi tiết các học phần thể hiện rõ mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển về các lĩnh vực liên quan đến ngành.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đặc biệt để SV đưa ra lựa chọn hợp



lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

### ***1.3. Về cấu trúc và nội dung***

Ngành công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo và bám sát CĐR, đảm bảo tính hợp lý và logic giữa các học phần. Các học phần được cấu trúc hợp lý, gắn kết giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Mục tiêu và nội dung chi tiết của từng học phần đảm bảo và thể hiện rõ yêu cầu cần đạt của CĐR.

### ***1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Mục tiêu giáo dục ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng được tuyên bố rõ ràng và cụ thể hóa trong đề cương các học phần, được phổ biến rộng rãi tới người học, GV, cộng đồng và xã hội. Các hoạt động dạy và học, nhất là các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành của các học phần được GV trong Khoa lựa chọn sử dụng đa dạng, tương thích với CĐR.

### ***1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học***

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các quy định về đánh giá kết quả học tập được thể hiện rõ trong các đề cương học phần, CTĐT và được thông báo công khai tới người học. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng (kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình...); đề thi được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng nên đảm bảo độ tin cậy, khách quan. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Khoa luôn tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và đã giải quyết tốt các trường hợp cụ thể.

### ***1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên***

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Khoa để thực hiện CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng được quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Tỷ lệ GV/người học của CTĐT đảm bảo theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo, đáp ứng khối lượng của CTĐT. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm GV, nghiên cứu viên của Khoa và ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng theo kế hoạch, quy hoạch của Trường, của Khoa và tuân thủ quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai theo quy định Nhà



trường đã ban hành. Đội ngũ GV phục vụ CTĐT thực hiện đủ định mức giờ giảng và NCKH theo quy định của Nhà trường.

### **1.7. Về đội ngũ nhân viên**

Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Các văn bản, tiêu chí, quy trình tuyển dụng nhân viên được Nhà trường quy định cụ thể và được công bố công khai. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo các tiêu chuẩn được quy định cụ thể về thi đua, khen thưởng, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai. Nhà trường và đơn vị xác định nhu cầu và có các hoạt động cụ thể để triển khai kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

### **1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật thường xuyên; các tiêu chí và phương thức tuyển chọn mang tính lượng hóa, giúp cho Nhà trường và Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp.

Đội ngũ CVHT của Khoa là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác của mình, luôn hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho người học về ngành học, chương trình đào tạo, hoạt động NCKH, các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ đội nhóm..., và luôn theo dõi kết quả, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, vì vậy tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất.

Bên cạnh đó, các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội SV của Trường, của Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, tư vấn phương pháp học tập, phong trào thi đua, các chương trình hỗ trợ SV tìm hiểu thực tế, giới thiệu tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp... đã giúp SV không chỉ cải thiện, nâng cao thành tích học tập mà còn đem lại khả năng có việc làm khi ra trường.

Ngoài ra, Trường có một khuôn viên rộng rãi, cảnh quan xanh - sạch - đẹp ; môi trường văn hóa học đường luôn được giữ gìn với bầu không khí thân thiện, cởi mở, tôn trọng; an ninh trật tự địa phương và Nhà trường luôn được đảm bảo, tạo sự thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH của Trường, của Khoa và sự phấn khởi, thoải mái trong học tập và rèn luyện, sinh hoạt cho người học.

### **1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị**



Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng chuyên đề, xưởng thực hành, thư viện, nhà luyện tập thể dục thể thao... được trang bị, lắp đặt các phương tiện, thiết bị phù hợp, hiện đại hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và luyện tập, vui chơi, giải trí. Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú và được cập nhật; đặc biệt hệ thống phòng thí nghiệm - thực hành phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên.

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và khám sức khỏe định kỳ cho GV, người học được thực hiện đầy đủ theo các tiêu chuẩn quy định; một số giảng đường, khu luyện tập TDTT.

### ***1.10. Về nâng cao chất lượng***

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả với hình thức đa dạng. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao.

Quá trình dạy và học, quy trình, hình thức kiểm tra đánh giá được thực hiện một cách chặt chẽ, nghiêm túc, đa dạng và linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và luôn được rà soát, đánh giá để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT; đồng thời góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa cũng đã xây dựng được phong trào NCKH trong GV và SV, phần lớn các đề tài, kết quả NCKH đều gắn với các nhiệm vụ đào tạo, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học và có giá trị thực tiễn trong phục vụ cộng đồng.

### ***1.11. Về kết quả đầu ra***

Nhà trường và Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát kế hoạch học tập, kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của SV thông qua các CVHT, duy trì sinh hoạt lớp hàng tháng để nhắc nhở kịp thời tình hình, kế hoạch học tập của SV; thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Đa số SV tốt nghiệp ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng đều có việc làm phù hợp sau khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực.

Khoa có kế hoạch phát triển, triển khai hướng dẫn và theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao; sử dụng hiệu quả các thiết bị hiện đại trong nghiên cứu thí nghiệm và thực hành; thường xuyên tổ chức các hoạt động câu lạc bộ học thuật để trao đổi, định hướng nghiên cứu cho SV, nhất là SV năm thứ nhất.



## **2. Những điểm tồn tại của CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật công trình XD**

### **2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Mục tiêu của CTĐT tuy đã được rà soát, điều chỉnh, nhưng vẫn chưa cập nhật một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội khu vực vùng Tp.HCM hiện nay do sự phân cực về trình độ người học và điều kiện kinh tế xã hội các khu vực; CDR hiện nay được rà soát, điều chỉnh theo chu kỳ 3 năm, chưa được điều chỉnh đồng bộ thường xuyên theo từng năm học dựa trên việc lấy YKPH của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động. Điều chỉnh linh hoạt mỗi năm chỉ trong phạm vi nhỏ, trong năng lực cho phép của khoa.

### **2.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo**

Tiến trình đào tạo được mô tả trong CTĐT còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của người học; việc thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

Cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo được cập nhật của CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng còn thiếu; Việc lấy ý kiến khảo sát phản hồi của cựu người học, GV, các nhà khoa học và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý CTĐT chưa được thực hiện trên diện rộng thường xuyên, đối tượng còn hạn hẹp.

### **2.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Thông tin phản hồi của SV về chất lượng chưa đầy đủ và liên tục; ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần chưa thực sự rõ ràng. Một số học phần còn dạy theo cách truyền thống, chưa ứng dụng phương pháp, kỹ thuật hiện đại vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự sinh động và trực quan.

### **2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp; SV chưa thật sự thích nghi với phương pháp học tập tích cực như tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất. Trong bối cảnh tuyển sinh ngày càng khó khăn do đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ bậc đại học, chất lượng đầu vào nhìn chung có khuynh hướng giảm dần, hình thành năng lực tự học và phát triển năng lực tư duy chủ động cho người học thực sự là nhiệm vụ khó khăn.



CSVC chưa đáp ứng tốt điều kiện tổ chức làm các bài tập nhóm (bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển); số lượng SV trong một lớp học còn đông nên nhiều học phần chưa phát huy được tính tự giác và tích cực của người học trong quá trình tương tác với GV.

### ***2.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học***

Việc đánh giá kết quả học tập chưa thống kê phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của người học một cách chính xác; việc cập nhật thông tin các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học người học còn hạn chế. Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm (do có một số học phần thỉnh giảng) dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng đến SV trong việc phúc tra điểm và đăng ký môn học, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

### ***2.6. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên***

Kế hoạch phát triển đội ngũ GV về kỹ năng giảng dạy chưa được Khoa và Nhà trường quan tâm thường xuyên và đúng mức; trình độ tiếng Anh của các GV chưa đồng đều và còn nhiều hạn chế; tỷ lệ GV được đào tạo tại các cơ sở ngoài nước còn ít. Số công trình NCKH của GV chưa đi sâu vào các vấn đề tồn tại của doanh nghiệp và phục vụ tốt cộng đồng; số lượng đề tài hàng năm được Nhà trường phân bổ về Khoa để GV và SV nghiên cứu còn quá ít so với nhu cầu. Kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu còn hạn chế.

### ***2.7. Về đội ngũ nhân viên***

Công tác quy hoạch, phát triển về chất lượng đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa phong phú và thường xuyên. Nhà trường chưa phân tích đề án việc làm thường xuyên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng, sử dụng đội ngũ nhân viên hợp lý; chưa có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

### ***2.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Chính sách tuyển sinh của Khoa vẫn còn một số tồn tại: hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo chưa được hấp dẫn và chi tiết; chưa có các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành vào học; tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp. Chất lượng đầu vào của người học thấp, nội



dung một số học phần của CTĐT còn nặng tính lý thuyết, tính hàn lâm dẫn đến kết quả học tập chưa cao, số SV có học lực trung bình khó hoàn thành khóa học đúng thời hạn. Số lượng SV tham gia NCKH chưa nhiều. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện đồng bộ. Không gian làm việc của Khoa còn chật hẹp dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ SV.

### **2.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về CSVC và trang thiết bị chưa được tiến hành thường xuyên. Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với Thư viện, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa được phát triển mạnh. Nguồn tài liệu phục vụ chuyên ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng chưa nhiều. Tuy đạt chuẩn LAS của bộ Xây dựng, phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng của trường chưa được nâng cấp kịp thời, đúng mức, còn thiếu khá nhiều các thiết bị chuyên ngành. Bên cạnh đó, tuy có quan tâm, nhưng nhà trường chưa thực sự đột phá, tạo ra một chính sách riêng quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### **2.10. Về nâng cao chất lượng**

Số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp trong khu vực Miền Nam. Thiếu các văn bản ký kết với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng. Thời lượng thực hành trong CTĐT còn ít; số lượng các học phần để phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên lựa chọn chưa nhiều. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được đồng bộ, chưa có nhiều ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, các chuyên gia giáo dục, các cán bộ quản lý. Các đề tài NCKH của Khoa chủ yếu là đề tài cấp trường với nguồn kinh phí hạn chế, chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế, chưa có nhiều công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế.

Các dịch vụ hỗ trợ người học còn hạn chế, chưa thực hiện cải tiến chất lượng. Nguồn học liệu phục vụ học tập và giảng dạy ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng còn thiếu. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

### **2.11. Về kết quả đầu ra**



Công tác CVHT còn bị động, chưa phát huy hiệu quả trong việc tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập theo tín chỉ. SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CĐR về ngoại ngữ và tin học theo quy định, dẫn đến tình trạng một số SV đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. CTĐT ít nhiều chưa bám sát với nhu cầu tuyển dụng và xu hướng thị trường lao động. Có một tỷ lệ nhất định SV ngành làm trái ngành nghề sau khi tốt nghiệp. Một số SV chưa quan tâm, hứng thú với hoạt động NCKH. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành Công Nghệ kỹ thuật công trình xây dựng chưa được thực hiện thường xuyên.

### **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT**

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa Xây dựng và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2023 - 2024 trở đi như sau:

#### ***3.1. Về mục tiêu, chuẩn đầu ra và bản mô tả chương trình đào tạo***

- Tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan đến mục tiêu và CĐR của CTĐT; tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR từng học phần và toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, tiếp cận quốc tế và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo hướng hỗ trợ thời gian nhiều hơn cho các nhóm học phần ngành và chuyên ngành; đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành. Mở rộng hơn phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá; thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan theo hướng chuyên nghiệp.

#### ***3.2. Về cấu trúc và nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, người học và cựu người học trong việc rà soát và điều chỉnh CTDH để hoàn thiện CTDH, đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu thực tế của xã hội về nhân lực. Tổ chức tập huấn về phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nhằm thay đổi hình thức và phương pháp giảng dạy cũ, kích thích tính chủ động của người học trong việc chiếm lĩnh kiến thức chuyên sâu. Đề xuất Nhà trường cho phép thay đổi



cấu trúc các học phần ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các học phần chuyên ngành; đẩy mạnh hoạt động kiến tập tại hiện trường.

Đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức bài bản việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng. Tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường học tập. Thực hiện cập nhật, chỉnh sửa CTĐT theo định kỳ hằng năm và bổ sung thêm các tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phân biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của người học.

### ***3.3. Về đánh giá kết quả học tập của người học***

Đề xuất Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm,... nhằm đáp ứng CDR; Khoa sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi theo CDR, đảm bảo tính chính xác và công bằng trong đánh giá kết quả người học. Đề xuất Nhà trường về việc công khai đáp án chấm thi cuối kỳ để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, thúc đẩy việc chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn. Đề nghị Nhà trường ban hành và công bố công khai quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trên website của Trường, của Khoa, trong sổ tay người học giúp người học tiếp cận dễ dàng và nắm bắt rõ hơn quy trình này.

### ***3.4. Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên***

Đề nghị Trường có chính sách ưu đãi để thu hút người trình độ chuyên môn cao từ các trường đại học uy tín trên thế giới đến trao đổi, giao lưu học tập, giảng dạy tại Khoa. Xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa. Đề nghị Trường thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cho các GV để nâng cao khả năng trao đổi học thuật, nghiên cứu và hội nhập quốc tế; khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để ít nhất mỗi năm có 01 GV đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước; tăng cường kinh phí cho việc thực hiện đề tài NCKH của GV và SV.

Tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách, tuyển dụng, bổ nhiệm, xét thi đua khen thưởng hợp lý hơn, đồng thời có cơ sở để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân



viên. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ tốt hơn cho đào tạo và NCKH.

### **3.5. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học**

Khoa sẽ tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin, qua các bài viết, các hình ảnh, hoạt động của Khoa, của các tổ chức đoàn thể, các câu lạc bộ học thuật trên trang web, trang mạng xã hội của Khoa; đồng thời sẽ kết hợp bộ phận truyền thông – tuyển sinh thực hiện một Video clip giới thiệu về các ngành đào tạo, các kết quả NCKH của SV, cơ hội việc làm của SV sau khi tốt nghiệp,... để quảng bá rộng rãi đến các em học sinh THPT.

Tiến hành rà soát lại đề cương các học phần, điều chỉnh việc phân bổ các môn học, điều tra và đánh giá nguyên nhân khiến cho SV hoàn thành khóa học chưa đúng hạn. Đội ngũ CVHT tiếp tục duy trì, tăng cường các hoạt động tư vấn học tập, khuyến khích hoạt động NCKH trong SV, hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm.

Bên cạnh đó, khoa dự kiến phối hợp Đoàn trường, hội SV và bộ phận hợp tác DN, kết hợp tổ chức các hoạt động xã hội cho SV gắn liền với chuyên ngành đào tạo, vừa tạo hứng thú cho người học, vừa góp phần quảng bá thương hiệu nhà trường.

Ngoài ra, chú trọng công tác “chăm sóc” cho đối tượng người học tại trường thông qua tương tác trực tiếp (từ đội ngũ CVHT, GV, NV các phòng chức năng...) đến tạo môi trường để người học phát triển bản thân, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh khi tham gia vào thị trường lao động, góp phần tạo điểm nhấn cho công tác tuyển sinh.

### **3.6. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Khoa kết hợp với các phòng chức năng trong Nhà trường, sẽ tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ người học về CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản. Đề xuất Nhà trường đầu tư kinh phí để bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu phục vụ đào tạo.

Tiếp tục xây dựng các đề án nâng cấp các phòng thí nghiệm - thực hành theo hướng hiện đại. Tăng cường công tác quản lý SV, tránh hiện tượng vi phạm nội quy của Nhà trường, đồng thời thực hiện chính sách riêng, quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### **3.7. Về nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra**

Nhà trường tiếp tục duy trì và mở rộng đối tượng lấy thông tin phản hồi của các bên liên quan để cập nhật CTĐT. Tăng cường hợp tác, ký kết biên bản ghi nhớ với các



doanh nghiệp; tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về kỹ năng mềm, các hội thảo để SV có cơ hội tiếp xúc với các doanh nghiệp và rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp. Tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan cũng như tăng cường việc lấy YKPH các bên liên quan về các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất, cập nhật và phù hợp với CDR của CTĐT. Thực hiện rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học; thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ người học tại các phòng thí nghiệm - thực hành, phòng thực hành máy tính. Đề xuất Nhà trường mua bổ sung học liệu cho chuyên; tăng cường cơ sở hạ tầng CNTT tại các giảng đường.

Tăng cường tính chủ động của các CVHT trong việc tư vấn kế hoạch học tập cho SV và thực hiện báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CDR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Nhà trường tiếp tục duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và khảo sát về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp ra trường nhằm cải tiến chất lượng và cập nhật CTĐT, đáp ứng CDR và nhu cầu xã hội

## 2. Kiến nghị:

Không

TP.HCM, ngày 24 tháng 12 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**

(kí, đóng dấu)



Ths. Nguyễn Bá Khiêm



Số: 706/KH-CĐXD

TP.HCM, ngày 16 tháng 8 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2024

#### I. Mục đích tự đánh giá:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, nhà giáo, nhân viên và học sinh sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo ngành, trình độ cao đẳng, trung cấp.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của các ngành đào tạo dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu trong hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời đề xuất biện pháp khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của từng ngành đào tạo, trình độ cao đẳng, trung cấp. Qua đó, giúp Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường.

- Các ngành đào tạo trình độ cao đẳng tự đánh giá năm 2024 gồm: Công nghệ Kỹ thuật Kiến trúc, Cấp Thoát nước, Công nghệ Kỹ thuật Vật Liệu XD, Công nghệ Kỹ thuật CT Xây dựng, Công nghệ Kỹ thuật Giao thông, Quản Lý Xây Dựng.

#### II. Công cụ tự đánh giá

1. Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN.

2. Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

3. Hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng được quy định tại Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục GDNN.

#### III. Quy trình tự đánh giá:

Quy trình thực hiện tự đánh giá được thực hiện bám sát theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 và bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và



cao đẳng của Tổng Cục Giáo Dục Nghề Nghiệp, cụ thể như sau:

3.1. Thực hiện công tác chuẩn bị và hướng dẫn thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng (*gọi tắt là Hội đồng TĐGCTĐT*).

- Tổ chức tập huấn hướng dẫn về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

3.2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

3.3. Thông qua và phê duyệt các báo cáo tự đánh giá chất lượng của các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;

3.4. Công bố các báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của các chương trình đào tạo trong trường và gửi báo cáo về Tổng Cục Giáo Dục Nghề Nghiệp.

#### **IV. Nhiệm vụ chung**

##### **4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng**

- Phân công các Khoa, Bộ Môn, Trung Tâm có ngành đào tạo chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của mình;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng, trung cấp theo đúng kế hoạch đã đề ra;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến nâng cao chất lượng;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại trường (*nếu có*).

##### **4.2. Đối với các Khoa, Bộ môn, Trung tâm có ngành đào tạo:**

- Dựa trên kế hoạch Tự đánh giá của Trường, lập kế hoạch đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cho ngành cụ thể, trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Thông qua các Ban thư ký tự đánh giá chương trình đào tạo, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành; đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng và cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn;

- Tổng hợp và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành theo mẫu quy định tại phụ lục số 03, 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Gửi dự thảo báo cáo tới các đơn vị để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo họp thông qua.

##### **4.3. Đối với các đơn vị trực thuộc trường**





- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp cho các Khoa, Bộ môn, Trung tâm có ngành đào tạo tổng hợp để viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành mình quản lý

**5. Phân bổ các đơn vị thuộc trường hỗ trợ thực hiện tự đánh giá theo tiêu chuẩn, tiêu chí liên quan**

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị hỗ trợ
<b>I</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng TCHC
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào Tạo; Các đơn vị đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng TCKT
<b>II</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo; Phòng TCHC
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo
<b>III</b>	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo, Phòng TCHC
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng TCHC
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng TCHC
<b>IV</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo; Các đơn vị đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo



7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo
9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Đào tạo, Các đơn vị đào tạo
10	Tiêu chuẩn 10	Phòng Đào tạo
11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Đào tạo, Các đơn vị đào tạo
12	Tiêu chuẩn 12	Phòng Đào tạo, Các đơn vị đào tạo
<b>V</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản trị
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản trị
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản trị; Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản trị
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản trị
6	Tiêu chuẩn 6	Trung Tâm Thông Tin Thư Viện
7	Tiêu chuẩn 7	Trung Tâm Thông Tin Thư Viện
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo
<b>VI</b>	<b>Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo; Phòng Tuyển Sinh - Công tác HSSV;
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tuyển Sinh - Công tác HSSV
3	Tiêu chuẩn 3	Bộ Phận Hợp Tác Doanh Nghiệp; Phòng Tuyển Sinh - Công tác HSSV; Các đơn vị đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Đoàn Thanh niên
<b>VII</b>	<b>Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	
1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Đào tạo; Phòng KH-HTQT&ĐBCL
6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo; Phòng KH-HTQT&ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo
8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo



## 6. Nội dung công việc - Thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Đv hỗ trợ
Từ ngày 1/8/2024 – 16/8/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, trình độ cao đẳng, năm 2024.</li> <li>- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, trình độ cao đẳng, năm 2024.</li> </ul>	Phòng KH- HTQT&ĐBCL	
Từ ngày 16/8/2024 đến ngày 24/8/2024	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họp Hội Đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, trình độ cao đẳng</li> <li>- Tập huấn công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cho các đơn vị theo Thông Tư 15- Bộ LĐTBXH</li> </ul>	Khoa, bộ môn quản lý ngành và Đơn vị tư vấn	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 26/8/2024 đến ngày 26/9/2024	Thu thập thông tin, rà soát các minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 26/9/2024 đến ngày 10/10/2024	Kiểm tra, thu thập minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 10/10/2024 đến ngày 24/10/2024	Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn; chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày 24/10/2024 đến ngày 07/11/2024	Tổng hợp phần I và phần II của báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.	Khoa, bộ môn quản lý ngành	Phòng KH- HTQT&ĐBCL
Từ ngày	Tổng hợp phần III và	Khoa, bộ môn quản	Phòng KH-



Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Đv hỗ trợ
07/11/2024 đến ngày 21/11/2024	phần IV của báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.	ly ngành	HTQT&ĐBCL
Từ ngày 21/11/2024 đến ngày 28/11/2024	- Tổng hợp báo cáo và gửi đến các đơn vị xin ý kiến phản hồi - Họp hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo để thông qua báo cáo.	Hội đồng tự đánh giá	Phòng KH-HTQT&ĐBCL
Từ ngày 28/11/2024 đến ngày 20/12/2024	Hoàn chỉnh báo cáo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo và gửi báo cáo đến cơ quan có thẩm quyền	Phòng KH-HTQT&ĐBCL	Khoa, bộ môn quản lý ngành

\* **Yêu cầu chung:** Báo cáo kết quả tự kiểm định bắt buộc phải soạn thảo bằng phông chữ Times New Roman, Unicode, cỡ chữ 13 theo yêu cầu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

### 7. Kinh phí

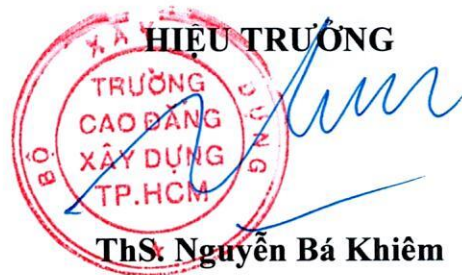
- Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2024 được trích từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Trường.

- Phòng Tài Chính Kế Toán phối hợp với Phòng Khoa Học- Hợp Tác Quốc Tế - Đảm Bảo Chất Lượng và các đơn vị quản lý ngành chịu trách nhiệm dự toán kinh phí và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường trong năm 2024, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả đơn vị trong Trường, các thành viên của Hội đồng tự đánh giá phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, KHHTQT-ĐBCL.


  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**ThS: Nguyễn Bá Khiêm**



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng năm 2024

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CĐXD ngày 12/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 706/KH-CĐXD ngày 16/8/2024 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2024;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học, Hợp tác Quốc tế và Đảm bảo Chất lượng.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng kèm theo danh sách.

**Điều 2.** Các hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các quy định về việc đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng năm học 2023-2024 theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại điều 1 và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, KH-HTQT-ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM  
ThS. Nguyễn Bá Khiêm





**PHỤ LỤC 02**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG  
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 708/QĐ-CDXD ngày 16 tháng 8 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Nhiệm Vụ
1	Nguyễn Bá Khiêm	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Trần Thoại Châu	Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Xây dựng	Phó Chủ Tịch HĐ
3	Phạm Kiều Trang	Thư ký Khoa Xây dựng	Thư ký HĐ
4	Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy Viên
5	Lê Khắc Toàn	Phó Hiệu Trưởng	Ủy Viên
6	Chu Tuấn Hào	Giảng viên khoa Xây dựng	Ủy viên
7	Võ Thị Cẩm Giang	Giảng viên khoa Xây dựng	Ủy viên
8	Hoàng Xuân Tân	Giảng viên khoa Xây dựng	Ủy viên
9	Phạm Thị Lê Vân	Trưởng Phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
10	Dương Công Đức	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
11	Vũ Đăng Cải	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Tổ chức HC	Ủy viên
12	Huỳnh Phi Tuấn Khanh	Trưởng Phòng TS-CTSVHS	Ủy viên
13	Nguyễn Thị Trang	Trưởng Phòng Tài chính KT	Ủy viên
14	Nguyễn Văn Quý	Trưởng Phòng Quản trị	Ủy viên
15	Vũ Sĩ Tuấn	GD. Trung tâm Đào tạo TH-UDCNXD	Ủy viên
16	Võ Văn Thiệp	GD. Trung tâm TT Thư viện	Ủy viên
17	Lê Xuân Lâm	Chuyên viên phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
18	Nguyễn Đình Ngân	GD. Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Nội thất An Phú	Ủy viên
19	Trác Thị Thanh Thúy	GD. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Mai Việt Trần	Ủy viên